

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ
Ông Đinh Văn Tông	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Phán	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Như Lâm	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thiều	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Vũ Văn Thiều	Tổng Giám đốc
Bà Lê Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Văn Thiều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vải Sợi May Mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May Mặc Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán : 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Phương Lan

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán : 0917-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		22.358.050.608	18.726.421.845
I. Tiền	110	5	19.855.392.564	16.950.903.976
1. Tiền	111		3.165.392.564	1.090.903.976
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.690.000.000	15.860.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.392.677.663	620.016.802
1. Phải thu khách hàng	131	6	504.154.083	322.276.662
2. Trả trước cho người bán	132	7	222.400.000	201.500.000
3. Các khoản phải thu khác	135	8	666.123.580	96.240.140
III. Hàng tồn kho	140	9	300.979.162	946.161.964
1. Hàng tồn kho	141		300.979.162	946.161.964
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		809.001.219	209.339.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		128.631.976	110.339.103
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		482.439.243	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		197.930.000	99.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		60.454.170.659	62.714.174.173
I. Tài sản cố định	220	10	57.177.581.741	59.433.577.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221		57.177.581.741	59.433.577.458
- Nguyên giá	222		86.903.077.344	90.464.244.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.725.495.603)	(31.030.666.687)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.786.515.820	2.729.439.590
1. Đầu tư và công ty con	251		2.729.439.590	2.729.439.590
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(942.923.770)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.490.073.098	551.157.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.490.073.098	551.157.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		82.812.221.267	81.440.596.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.028.438.137	10.239.212.818
I. Nợ ngắn hạn	310		15.941.165.409	10.216.794.636
1. Phải trả người bán	312		154.854.043	149.882.043
2. Người mua trả tiền trước	313		64.535.324	52.734.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	9.878.606.355	5.714.287.421
4. Phải trả người lao động	315	14	1.287.432.182	949.243.636
5. Chi phí phải trả	316		175.756.255	196.126.005
6. Phải trả nội bộ	317		-	78.986.646
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	3.790.321.875	2.401.277.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		589.659.375	674.257.375
II. Nợ dài hạn	330		87.272.728	22.418.182
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		87.272.728	22.418.182
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	16	66.783.783.130	71.201.383.200
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.783.783.130	71.201.383.200
1. Vốn điều lệ	411		57.029.400.000	57.029.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.932.018.600	3.472.018.600
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.104.538.136	2.642.580.909
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.717.826.394	8.057.383.691
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		82.812.221.267	81.440.596.018

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ (USD)	2.479,67	2.494,87



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	42.129.443.086	38.307.837.994
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	20.276.312.871	20.037.329.468
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.853.130.215	18.270.508.526
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.347.143.245	3.326.775.967
5. Chi phí tài chính	22	21	942.923.770	312.708
6. Chi phí bán hàng	24		864.199.249	850.403.247
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	8.831.167.342	8.964.244.877
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.561.983.099	11.782.323.661
9. Thu nhập khác	31		4.724.336.715	4.889.937.518
10. Chi phí khác	32		13.762.326.703	4.129.337.136
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	(9.037.989.988)	760.600.382
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.523.993.111	12.542.924.043
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.140.038.577	2.976.333.533
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		2.383.954.534	9.566.590.510
16. Lãi trên cổ phiếu	70		418	1.677



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu B 03 – DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	46.285.320.720	50.850.056.678
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.995.293.259)	(4.451.023.101)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.907.376.586)	(17.231.803.671)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.205.780.148)	(4.711.280.277)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.733.347.566	-
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.519.384.873)	(2.479.853.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.390.833.420	21.976.095.906
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.339.037.000)	(863.891.718)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	161.444.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(246.280.239)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.373.208.328	3.217.753.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	34.171.328	2.269.025.838
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.521.185.800)	(18.244.374.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.521.185.800)	(18.244.374.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.903.818.948	6.000.746.844
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.950.903.976	10.946.392.253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	669.640	3.764.879
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.855.392.564	16.950.903.976



Vũ Văn Thiều
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu ngày 05/07/2005 và các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần sửa đổi.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng.

Danh sách cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Vốn Nhà nước	1.634.114	16.341.140.000
2.	Các cổ đông khác	4.068.826	40.688.260.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 273 người, tại ngày 31/12/2012 là 306 người.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 2 chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO
Địa chỉ chi nhánh: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Xí nghiệp Xây dựng
Địa chỉ chi nhánh: Số 79 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Thông tin về Công ty con:

- Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II
Địa chỉ: Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền mặt	59.251.981	74.271.002
Tiền gửi ngân hàng	3.106.140.583	1.016.632.974
Các khoản tương đương tiền (*)	16.690.000.000	15.860.000.000
	19.855.392.564	16.950.903.976

Ghi chú: (*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH thời trang D.E.S	125.628.800	-
Công ty TNHH ELEGANT TEAM MANUFACTURER	78.672.000	125.066.662
Công ty TNHH Tài Thắng	59.500.000	-
Phạm Thị Kim Oanh	114.963.200	-
Các khách hàng khác	125.390.083	197.210.000
	504.154.083	322.276.662

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Công ty cổ phần xây lắp điện Thành Sơn	158.400.000	-
Kinh phí thực hiện đề án Mtrường KVĐgiang	-	110.000.000
Các khách hàng khác	64.000.000	91.500.000
	222.400.000	201.500.000

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	49.662.221	76.396.944
Công ty Cổ phần Trường Hà	471.419.359	-
Chi nhánh công ty Cổ phần Thành Đô tại Hà Nội	84.631.000	-
Các khoản phải thu khác	60.411.000	19.843.196
	666.123.580	96.240.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	40.297.897	35.408.581
Công cụ, dụng cụ	2.849.046	13.220.801
Thành phẩm	257.832.219	897.311.297
Hàng hóa	-	221.285
Cộng	300.979.162	946.161.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	300.979.162	946.161.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09 - DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Tại ngày 1/1/2013	78.092.821.435	6.859.739.325	2.290.683.324	608.493.269	2.612.506.792	90.464.244.145
Mua trong năm	-	-	-	-	1.217.306.363	1.217.306.363
Giảm khác (i)	180.086.564	2.573.218.656		499.418.229	170.583.705	3.423.307.154
Thanh lý, nhượng bán		1.355.166.010				1.355.166.010
Tại ngày 31/12/2013	77.912.734.871	2.931.354.659	2.290.683.324	109.075.040	3.659.229.450	86.903.077.344

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2013	20.385.199.182	6.850.845.902	1.563.646.109	514.064.739	1.716.910.755	31.030.666.687
Khấu hao trong năm	2.773.010.712	8.893.423	191.924.839	43.687.185	354.382.518	3.371.898.677
Giảm khác (i)	161.237.839	2.573.218.656		448.676.884	138.770.372	3.321.903.751
Thanh lý, nhượng bán	-	1.355.166.010	-	-		1.355.166.010
Tại ngày 31/12/2013	22.996.972.055	2.931.354.659	1.755.570.948	109.075.040	1.932.522.901	29.725.495.603

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 1/1/2013	54.915.762.816	8.893.423	535.112.376	-	1.726.706.549	59.433.577.458
Tại ngày 31/12/2013	57.707.622.253	-	727.037.215	94.428.530	895.596.037	57.177.581.741

- (i) Giảm khác trong năm là do Công ty ghi giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản cố định hữu hình không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 6.952.582.440 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2013	Năm 2012
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi May mặc Miền Bắc II	2.729.439.590	2.729.439.590
Cộng	2.729.439.590	2.729.439.590
Dự phòng đầu tư dài hạn (*)	(942.923.770)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư	1.786.515.820	2.729.439.590

Chi tiết đầu tư Công ty con tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II	T.P Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất mua bán hàng may mặc, sản phẩm dệt may

Ghi chú: (*) Tại 31/12/2013, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con với số lỗ lũy kế là 942.923.770 đồng, trong đó lỗ năm 2013 là 608.513.798 đồng (trong đó lỗ do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 345.857.938 đồng) và số lỗ lũy kế đến 31/12/2012 là 334.409.972 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.335.682.990	304.201.792
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	7.949.335	246.955.333
Chi phí khác	146.440.773	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán	1.490.073.098	551.157.125

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	169.243.286	106.199.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.583.302.328
Tiền thuế đất	9.679.570.338	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.792.731	24.785.176
	9.878.606.355	5.714.287.421

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động cuối năm là lương tháng 12, 13 năm 2013 của cán bộ công nhân viên trong Công ty chưa chi trả hết tại ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	12.363.061
Kinh phí công đoàn	63.534.970	58.172.723
Bảo hiểm xã hội	-	-
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	2.102.434.362	1.958.628.000
Phải trả, phải nộp khác	1.611.989.482	372.113.608
	3.790.321.875	2.401.277.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09 - DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 31/12/2011	57.029.400.000	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	26.963.405.967	87.603.426.689
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.566.590.510	9.566.590.510
Tăng trong kỳ	-	4.204.081	1.347.822.092	1.347.822.092	-	2.699.848.265
Giảm trong kỳ	-	(6.966.982)	-	(188.902.496)	(28.472.612.786)	(28.668.482.264)
Số dư tại ngày 01/01/2013	57.029.400.000	-	3.472.018.600	2.642.580.909	8.057.383.691	71.201.383.200
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.383.954.534	2.383.954.534
Tăng trong kỳ (*)	-	-	460.000.000	461.957.227	-	921.957.227
Giảm trong kỳ (*)	-	-	-	-	(7.723.511.831)	(7.723.511.831)
Số dư tại ngày 31/12/2013	57.029.400.000	-	3.932.018.600	3.104.538.136	2.717.826.394	66.783.783.130

Ghi chú: (*) Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 số 05/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2013, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển 460.000.000 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính 461.585.831 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 1.000.000.000 đồng, mức chi cổ tức 2012 là 20% trên mệnh giá cổ phiếu, Quỹ khen thưởng của Ban điều hành 100.000.000 đồng, tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Đến ngày 31/12/2013, cổ tức đã chi tạm ứng là 5.701.926.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2013	1/1/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	5.702.940	5.702.940
+ Số cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	5.702.940	5.702.940
+ Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	5.702.940	5.702.940

17. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho	28.262.180.809	27.079.551.028
Doanh thu bán hàng	-	23.279.998
Doanh thu gia công	13.631.462.277	11.028.486.968
Doanh thu khác	235.800.000	176.520.000
	42.129.443.086	38.307.837.994

18. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho	7.445.785.520	9.953.737.853
Giá vốn hoạt động gia công	12.830.527.351	10.083.591.615
	20.276.312.871	20.037.329.468

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.865.430	642.872.723
Chi phí nhân công	15.334.499.336	14.168.334.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	800.749.859	3.579.193.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.891.708.272	2.495.677.462
Chi phí khác	8.405.486.198	13.399.102.879
	26.525.309.095	34.285.181.417

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.081.973.605	2.048.131.905
Lãi liên kết liên doanh	264.500.000	1.246.018.834
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	669.640	28.860.349
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.764.879
	1.347.143.245	3.326.775.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Trích lập dự phòng	942.923.770	312.708
	942.923.770	312.708

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.359.214	271.234.993
Chi phí nhân công	4.831.076.076	5.263.666.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.930.590	75.023.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.860.967.133	1.031.681.049
Chi phí khác	2.066.834.329	2.322.638.472
	8.831.167.342	8.964.244.877

23. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của dịch vụ trông xe, tiền điện, nước	4.129.375.347	4.152.687.781
Thu nhập khác	594.961.368	737.249.737
Thu nhập khác	4.724.336.715	4.889.937.518
Tiền thuê đất nộp bổ sung năm 2011, 2012	8.911.959.144	-
Tiền điện	3.787.144.600	-
Khác	1.063.222.959	4.129.337.136
Chi phí khác	13.762.326.703	4.129.337.136
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(9.037.989.988)	760.600.382

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.523.993.111	12.542.924.043
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.036.161.199	(637.589.910)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	-	1.097.133.713
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	1.036.161.199	459.543.803
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	4.560.154.310	11.905.334.133
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.140.038.577	2.976.333.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.140.038.577	2.976.333.533

Ngoài khoản chi phí không được tính thuế nêu trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội về việc thuê đất tại số 352 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân thuê trong vòng 50 năm từ năm 2004; thuê tại số 79A Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng trong vòng 30 năm từ năm 2003; thuê tại Đức Giang, quận Long Biên trong vòng 30 năm từ năm 2004.

Công ty thực hiện ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Theo đó, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê nhà một tháng là 86.507.400 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng thuê dài hạn với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013 VND	1/1/2013 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	19.855.392.564	16.950.903.976
Nợ thuần	(19.855.392.564)	(16.950.903.976)
Vốn chủ sở hữu	66.783.783.130	71.201.383.200
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,30)	(0,24)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	1/1/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.855.392.564	16.950.903.976
Đầu tư tài chính dài hạn	1.170.277.663	418.516.802
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.729.439.590	2.729.439.590
Cộng	23.755.109.817	20.098.860.368
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.945.175.918	2.551.159.435
Chi phí phải trả	175.756.255	196.126.005
Cộng	4.120.932.173	2.747.285.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.855.392.564	-	-	19.855.392.564
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.170.277.663	-	-	1.170.277.663
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	2.729.439.590	2.729.439.590
Tổng tài sản	21.025.670.227	-	2.729.439.590	23.755.109.817
Nợ phải trả				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.945.175.918	-	-	3.945.175.918
Chi phí phải trả	175.756.255	-	-	175.756.255
Tổng nợ phải trả	4.120.932.173	-	-	4.120.932.173
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	16.904.738.054	-	2.729.439.590	19.634.177.644

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014